TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-DS	*V T, ngày 19 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1990;Địa chỉ thường trú: Khu 7, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1963; Địa chỉ thường trú: Tổ 16 C, phường G C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Đức V đều xác nhận và tự nguyện thỏa thuận:

- Về số tiền nợ: Ông Nguyễn Đức V xác nhận ông có vay tiền của ông Nguyễn Đức T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) từ ngày 13/8/2022 đến nay chưa trả cho ông T.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Đức V phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Đức T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ông Nguyễn Đức V phải có nghĩa vụ trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho

ông Nguyễn Đức T, vào ngày 15 hàng tháng, kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024 cho đến khi trả hết số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ông Nguyễn Đức T không yêu cầu ông Nguyễn Đức V phải trả tiền lãi đối với số tiền 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày đến hạn trả nợ, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Đức V phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Xác nhận ông Nguyễn Đức T đã nộp 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa BLTU/2023 số 0005884 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa BLTU/2023 số 0005884 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố V T;
- Chi cục THADS tp V T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).